

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Thực hiện Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015.

Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015.

Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Dự án của Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình) được phê duyệt tại Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1241/QĐ-TTg).

2. Các Dự án của Chương trình thực hiện từ nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Trường hợp các đơn vị sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại hoặc nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác bình đẳng giới thì thực hiện theo quy định hiện hành của nhà tài trợ hướng dẫn riêng cho các nguồn vốn này hoặc theo quy định của cơ quan chủ quản sau khi có sự thoả thuận của đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính (nếu có); trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính không có quy định riêng thì áp dụng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi ngân sách của các Bộ, ngành, địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, cụ thể:

1.1. Ngân sách trung ương:

a) Bảo đảm kinh phí cho các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 1241/QĐ-TTg.

b) Hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.
- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về bình đẳng giới.
- Hỗ trợ thí điểm một số địa phương thực hiện đầy đủ quy trình lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.
- Xây dựng và thí điểm thực hiện 05 mô hình nhằm can thiệp giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng giới tại các địa phương được lựa chọn thực hiện mô hình quy định tại Điều 5 Thông tư này.
- Hỗ trợ 04 Trung tâm công tác xã hội hiện có mua sắm trang thiết bị để thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ thực hiện hoạt động bình đẳng giới.

1.2. Ngân sách địa phương chủ động bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện các Dự án của Chương trình quy định tại Quyết định số 1241/QĐ-TTg theo quy định của pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước và quy định tại Mục 2 Thông tư này.

2. Nguồn viện trợ quốc tế (nếu có) cho các hoạt động của Chương trình.

3. Nguồn huy động từ xã hội và cộng đồng, các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Căn cứ tổng mức kinh phí được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1241/QĐ-TTg, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương xác định mức kinh phí ngân sách trung ương bố trí cho các dự án, tiểu dự án giai đoạn 2012 – 2015 và phân kỳ cụ thể hàng năm gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm cơ sở bố trí dự toán ngân sách hàng năm.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; lựa chọn các xã, huyện thực hiện thí điểm xây dựng các mô hình cung cấp dịch vụ tư vấn bình đẳng giới trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, trong đó quy định rõ các chỉ tiêu, nội dung hoạt động của Chương trình và trách nhiệm của từng cơ quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Hàng năm, trên cơ sở dự toán của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn vốn thực hiện Chương trình theo Quyết định số 1241/QĐ-TTg, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, tổng hợp dự toán của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương (phần kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách trung ương) gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách của các Bộ, ngành và địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các văn bản hiện hành của Nhà nước và quy định tại Thông tư này. Các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí của Chương trình phải mở sổ sách kế toán để ghi chép, hạch toán và quyết toán các nguồn kinh phí của Chương trình theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; kinh phí Chương trình được quyết toán và tổng hợp vào quyết toán ngân sách hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương theo quy định.

5. Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hàng năm và năm năm gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Mục 2

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHO CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 4. Nội dung, mức chi chung của Chương trình

1. Chi công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới:

a) Xây dựng và phát triển các chương trình, xuất bản các sản phẩm truyền thông về bình đẳng giới theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lựa chọn chương trình, sản phẩm truyền thông do Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ truyền thông quyết định trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao và thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới phù hợp với đặc thù từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư:

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí) theo hình thức hợp đồng giữa cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng.

- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về bình đẳng giới:

+ Bồi dưỡng báo cáo viên: 200.000 đồng - 300.000 đồng/người/buổi.

+ Các khoản chi khác liên quan. Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước. Trường hợp chưa có quy định mức chi, Thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi trong phạm vi dự toán được giao.

- Làm mới, sửa chữa pa nô, áp phích, khẩu hiệu. Mức chi căn cứ theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Việc lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông do Thủ trưởng đơn vị thực hiện nhiệm vụ truyền thông quyết định trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và phổ biến pháp luật về bình đẳng giới do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi theo Thông tư số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Chi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về bình đẳng giới. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán,

quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

3. Chi khảo sát, đánh giá thực trạng đội ngũ nữ cán bộ quản lý, nữ lãnh đạo các cấp từ trung ương đến địa phương; điều tra để đánh giá về nhận thức của xã hội về bình đẳng giới; đánh giá về thực trạng bình đẳng giới tại 30 xã, phường, thị trấn ở miền núi, vùng cao theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 10 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/2/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê (sau đây gọi tắt là Thông tư số 58/2011/TT-BTC).

4. Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về việc tổ chức và hoạt động của các cơ sở dịch vụ hỗ trợ, tư vấn về bình đẳng giới; xây dựng bộ chỉ số giám sát, đánh giá về bình đẳng giới; lồng ghép vấn đề về bình đẳng giới trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư liên tịch số 09/2007/TTLT-BTP-BTC ngày 15/11/2007 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

5. Chi tổ chức các hội thảo, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm về công tác bình đẳng giới. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

6. Chi khảo sát, học tập trao đổi kinh nghiệm trong nước về bình đẳng giới; kiểm tra, giám sát hoạt động của Chương trình; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 97/2010/TT-BTC).

7. Chi xây dựng cơ sở dữ liệu về bình đẳng giới. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại các Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử; Thông tư liên tịch số

19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 58/2011/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

8. Chi xây dựng chương trình, giáo trình tài liệu tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ hoạt động bình đẳng giới. Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định xây dựng giáo trình cho các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

9. Chi nghiên cứu đánh giá tác động của hệ thống thể chế, chính sách đối với cán bộ nữ. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKH&CN ngày 4/10/2006 hướng dẫn chế độ khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT/BTC-BKH&CN ngày 7/5/2007 hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

10. Chi hợp tác quốc tế để tăng cường năng lực và triển khai các hoạt động của Chương trình. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới trong những lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao bất bình đẳng giới (Dự án 4):

1. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí xây dựng mô hình trong dự toán chi của các Bộ chủ trì thực hiện mô hình và bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để triển khai mô hình tại các địa phương do Bộ chủ trì thực hiện mô hình lựa chọn. Căn cứ vào nội dung hoạt động của từng mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và nội dung, mức chi đặc thù quy định tại Thông tư này, Bộ trưởng

các Bộ quyết định nội dung và mức chi cụ thể đối với từng mô hình trong dự toán được giao.

2. Mô hình hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, khởi sự và phát triển doanh nghiệp tại 10 cơ sở dạy nghề và giới thiệu việc làm (Mô hình 1):

a) Đối tượng được hỗ trợ là phụ nữ có nhu cầu thành lập doanh nghiệp (nhỏ và vừa).

b) Nội dung chi hỗ trợ:

- Mở các lớp tập huấn kỹ năng quản trị doanh nghiệp cho phụ nữ có nhu cầu thành lập doanh nghiệp (nhỏ và vừa) tại 10 cơ sở dạy nghề và giới thiệu việc làm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định.

- Hỗ trợ một lần cho phụ nữ khởi sự doanh nghiệp tuyên truyền để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm. Mức hỗ trợ căn cứ theo hợp đồng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng tối đa là 3.000.000 đồng.

- Hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Điều kiện, thời hạn, mức vốn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định hiện hành đối với các dự án cho vay giải quyết việc làm.

c) Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, điều kiện phụ nữ khởi sự doanh nghiệp được hỗ trợ.

3. Mô hình thí điểm xây dựng 10 nhà giữ trẻ trong cơ quan, trung tâm dạy nghề và các khu công nghiệp, khu chế xuất để tăng khả năng tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của phụ nữ (Mô hình 2):

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ 10 nhà giữ trẻ trong cơ quan, trung tâm dạy nghề và các khu công nghiệp, khu chế xuất theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Căn cứ vào Đề án thành lập nhà giữ trẻ của cấp có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định mức hỗ trợ cụ thể tùy theo quy mô nhà giữ trẻ nhưng mức hỗ trợ tối đa 1.000 triệu đồng/nhà giữ trẻ để mua sắm trang thiết bị, đồ dùng ban đầu đối với dự án xây dựng mới nhà giữ trẻ hoặc thuê địa điểm và mua sắm trang thiết bị đồ dùng cần thiết phục vụ hoạt động của nhà giữ trẻ.

b) Chi phí hoạt động thường xuyên nhà giữ trẻ, tiền ăn của các cháu do gia đình đóng góp và huy động từ tổ chức, cá nhân và cộng đồng.

4. Mô hình về ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới tại 63 xã (Mô hình 3):

a) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các địa phương xây dựng tiêu chí, điều kiện lựa chọn danh sách các xã tham gia thực hiện mô hình về ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn 01 xã là địa bàn thực hiện mô hình gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp danh sách 63 xã thuộc 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 1241/QĐ - TTg.

c) Nội dung chi hỗ trợ:

- Chi hoạt động phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới: Nội dung và mức chi mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 5 Thông tư liên tịch số 143/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 21/10/2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình; kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ các cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình ngoài công lập.

- Chi hỗ trợ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới.

- Chi hỗ trợ tiền điện thoại cho người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ trực đường dây nóng để kịp thời hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới. Mức hỗ trợ tối đa 200.000 đồng/người/tháng. Số lượng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định nhưng tối đa không quá 2 người.

- Chi hỗ trợ cho người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ tư vấn, phục hồi tâm lý cho người bị bạo lực trên cơ sở giới. Mức hỗ trợ tối đa là 30.000 đồng/đôi tượng được tư vấn.

5. Mô hình hỗ trợ 315 xã xây dựng, sửa đổi quy ước, hương ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới (Mô hình 4):

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các địa phương xây dựng tiêu chí, điều kiện lựa chọn danh sách các xã tham gia thực hiện mô hình xây dựng, sửa đổi quy ước, hương ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn 5 xã thực hiện mô hình gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp danh sách 315 xã thuộc 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 1241/QĐ - TTg.

c) Chi hỗ trợ việc rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng các hương ước, quy ước của cộng đồng nhằm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới mức tối đa 3.000.000 đồng/xã.

6. Mô hình thí điểm về dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới tại 30 xã, phường, thị trấn ở miền núi, vùng cao cho đồng bào dân tộc thiểu số (Mô hình 5):

a) Ủy ban Dân tộc ban hành tiêu chí, điều kiện và quyết định lựa chọn danh sách 30 xã ở miền núi, vùng cao tham gia thực hiện mô hình trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Nội dung chi hỗ trợ:

- Hỗ trợ tư vấn lưu động về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm:

+ Hỗ trợ tiền công tác phí theo nội dung và mức chi quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

+ Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển theo giá thị trường tại địa phương.

+ Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia tư vấn: 30.000 đồng/người/đối tượng được tư vấn.

- Chi xây dựng các sản phẩm truyền thông phù hợp với phong tục, tập quán của từng dân tộc thực hiện theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 4 Thông tư này.

- Chi hỗ trợ người cung cấp thông tin, tư vấn tại các điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Mức hỗ trợ tối đa là 30.000 đồng/đối tượng được tư vấn.

Điều 6. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án hỗ trợ xây dựng phát triển dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới (dự án 5)

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn vốn sự nghiệp để thí điểm thành lập và vận hành cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại một số quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đại diện 04 khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ) trên cơ sở Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn danh sách 04 Trung tâm công tác xã hội hiện có đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng, tổ chức phát triển dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới. Mức hỗ trợ tối đa 1.000 triệu đồng/Trung tâm để mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cần thiết phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới.

2. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chuẩn trang thiết bị phù hợp với quy mô của Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới.

3. Ngân sách địa phương bảo đảm chi hoạt động thường xuyên của Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung chi đặc thù sau:

a) Chi hỗ trợ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới.

b) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho đối tượng bị bạo lực trên cơ sở giới với mức 30.000 đồng/đối tượng được tư vấn.

Mục 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Hiệu lực thi hành

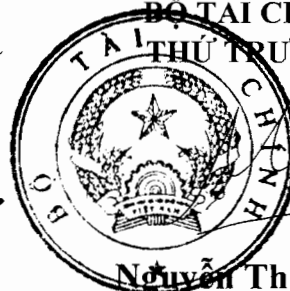
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2012.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Nguyễn Thị Hoà

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW, Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở LĐT BXH, Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website BTC- Bộ LĐT BXH;
- Các đơn vị thuộc BTC, Bộ LĐT BXH;
- Lưu VT: Bộ Tài chính, Bộ LĐT BXH.